

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HS-PT
Ngày: 27-3-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các thẩm phán:

Ông Bùi Văn Bình

Ông Nguyễn Viết Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Duy Đức – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hiến – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27/3/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 11/2019/HSPT ngày 09 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Trần Ngọc H.

Do có kháng cáo của bị cáo Trần Ngọc H đối với bản án hình sự sơ thẩm số 69/2018/HSST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

Bị cáo có kháng cáo: **Trần Ngọc H**, tên gọi khác: Không - sinh năm: 1998; HKTT: Thôn 6, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Nhân viên bưu điện; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Viết H1, sinh năm: 1966 và bà Ngô Thị H2, sinh năm: 1965; bị cáo chưa có chồng và con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

Luật sư bào chữa cho bị cáo: **Luật sư Hoàng Minh Q** (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Văn phòng luật sư Hoàng Minh Bình Phước – số 491 quốc lộ 14, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Ngọc H là nhân viên Bưu điện huyện B, H làm việc tại Bưu điện xã T thuộc ấp T, xã T, huyện B. Theo hợp đồng đã ký kết giữa Trần Ngọc H với Bưu

điện huyện B, H có nhiệm vụ quản lý, bảo vệ tài sản, cung cấp các dịch vụ của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam theo phân cấp và phục vụ hoạt động văn hóa tại Bưu điện văn hóa xã T và các nhiệm vụ khác được quy định tại hợp đồng. Bưu điện huyện B giao cho Trần Ngọc H một tài khoản đăng nhập tên là “833660_Trang_gdv” và mật khẩu để đăng nhập vào phần mềm PayPost trên máy tính để thực hiện các giao dịch thu hộ, chi hộ cho khách hàng tại Bưu điện văn hóa xã T. Cụ thể khi khách hàng sử dụng dịch vụ thu hộ, chi hộ phải điền thông tin lên giấy nộp tiền, giao tiền mặt kèm theo giấy nộp tiền cho H. H sử dụng tài khoản và mật khẩu đăng nhập vào phần mềm PayPost trên máy tính để chuyển số tiền khách hàng yêu cầu và thu phí dịch vụ từ khách hàng. Kết thúc ngày giao dịch, vào 16 giờ 30 phút hàng ngày, H có trách nhiệm tổng hợp các giao dịch thu hộ trong ngày và nộp tiền đã thu hộ của khách hàng về Bưu điện huyện B. Theo hợp đồng thì H còn có nhiệm vụ bán sản phẩm, hàng hóa do Bưu điện huyện B cung cấp và nộp lại tiền bán hàng về cho Bưu điện huyện B vào cuối tháng.

Vào lúc 07 giờ 16 phút ngày 05/3/2018, H sử dụng tài khoản “833660_Trang_gdv” và mật khẩu để đăng nhập vào phần mềm PayPost thực hiện 10 lần nhập dữ liệu khống (không có khách hàng giao dịch) trên máy tính, chuyển số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu) vào tài khoản thẻ ATM số 5612205076954 của anh Mai Thanh P (là bạn trai của H, H mượn trước đó), mỗi lần giao dịch là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu). Khoảng 08 giờ cùng ngày, H cầm thẻ ATM của P đi đến máy rút tiền của ngân hàng Agribank chi nhánh huyện B thuộc thị trấn T, huyện B rút được 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu), còn 175.000.000đ H điện thoại nhờ anh P cầm chứng minh nhân dân đến ngân hàng rút tiền giùm H. Sau đó, anh P đi đến Phòng giao dịch Thanh Bình, Agribank chi nhánh B, Bình Phước rút số tiền 175.000.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu) đưa cho H, H dùng tiền để tiêu xài cá nhân hết. Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, chị Lê Thị Hồng G là kế toán kiêm thủ quỹ của Bưu điện huyện B kiểm tra hệ thống chuyển tiền thì thấy H có chuyển số tiền là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu) cho khách hàng nhưng không thấy H mang số tiền đã thu hộ cho khách hàng về nộp, chị Gầm đã gọi điện yêu cầu H nộp số tiền trên về cho Bưu điện Huyện nhưng H viện lý do bận công việc riêng và hẹn mai sẽ nộp.

Với thủ đoạn như trên, Trần Ngọc H đã đăng nhập vào phần mềm PayPost tiếp tục chuyển số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu) vào ngày 07/3/2018, chuyển số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu) vào ngày 08/3/2018 và chuyển số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu) vào ngày 09/3/2018 vào tài khoản thẻ ATM của Mai Thanh P. Sau mỗi lần chuyển tiền vào tài khoản của P thì H đi rút tiền và tiêu xài cá nhân hết.

Ngoài ra, trong tháng 2 năm 2018, khi thực hiện việc bán hàng hàng tiêu dùng do Bưu điện huyện B cấp về cho Bưu điện xã T, H đã không nộp lại cho Bưu điện huyện B vào cuối tháng số tiền là 2.835.844 đồng (hai triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn tám trăm bốn mươi bốn) và tiền bán hàng tiêu dùng nông thôn từ ngày

01/3/2018 đến ngày 09/3/2018 là 475.000 đồng (bốn trăm bảy mươi lăm nghìn) cộng với tiền thu phí là 380.000 đồng (ba trăm tám mươi nghìn). Tổng cộng là 3.690.844 đồng (ba triệu sáu trăm chín mươi nghìn tám trăm bốn mươi bốn) số tiền này H đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2018/HSST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước đã tuyên xử bị cáo Trần Ngọc H phạm tội “Tham ô tài sản”. Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt Trần Ngọc H 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/12/2018 bị cáo Trần Ngọc H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Ngọc H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm nhận định và xin Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Cấp sơ thẩm đã áp dụng mức hình phạt là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Trần Ngọc H khai nhận hành vi: Từ ngày 01/3/2018 đến ngày 09/3/2018, Trần Ngọc H đã có hành vi lợi dụng việc Bưu điện huyện B giao cho H quản lý tài khoản và mật khẩu nhằm thực hiện các giao dịch thu hộ cho khách hàng để đăng nhập vào phần mềm Paypost trên hệ thống máy tính của Bưu điện xã T thực hiện 14 lần nhập dữ liệu không chuyển số tiền 260.000.000 đồng vào tài khoản ATM mượn của Mai Thanh P. Sau đó, H đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền trên để tiêu xài cá nhân. Ngoài ra, H còn lợi dụng việc được giao quản lý và bán hàng tiêu dùng cho bưu điện xã T để chiếm đoạt số tiền 3.690.844 đồng. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo Trần Ngọc H phạm tội “Tham ô tài sản” theo điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Ngọc H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình, có thái độ ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, gia đình bị cáo tự nguyện bồi thường khắc phục toàn bộ hậu quả cho Bru điện huyện B (đã bồi thường cho bị hại 263.690.844đ) thay bị cáo, bị cáo phạm tội lần đầu, nhân thân tốt, chưa vi phạm pháp luật và luôn chấp hành pháp luật tại địa phương, đại diện bị hại có đơn đề nghị xin giảm nhẹ cho bị cáo, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt với mức án 06 (sáu) năm tù là phù hợp, không nặng.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo cho rằng hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, cha mẹ lớn tuổi, bị cáo là lao động chính trong gia đình đây cũng chỉ là tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, không làm thay đổi căn bản những tình tiết giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Do vậy, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[4]. Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Trần Ngọc H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 ; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Ngọc H;

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 69/2018/HSST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trần Ngọc H 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Trần Ngọc H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm số 69/2018/HSST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- PV 06 Công an tỉnh Bình Phước;
- TAND, VKS huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Công an huyện B;
- Bị cáo;
- Tổ nghiệp vụ, lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nga